

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DSPT.

Ngày: 16 - 01 - 2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr

Bà Lưu Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2017/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk bị bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Phương L, sinh năm: 1977.

Trú tại: Thôn M1, xã EĐ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm: 1968.

Trú tại: Thôn A, xã CP, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tiến T1, Luật sư văn phòng Luật sư BK, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk. Cộng tác viên của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

Địa chỉ: Đường TT, phường TL, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn A, xã CP, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Hà Đình T2, sinh năm 1963 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, xã CP, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.
Bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1966 (Có mặt)
Trú tại: Thôn C, xã EL, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk thì nội dung vụ án như sau:

Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Dương Thị Phương L trình bày:

Ngày 27/6/2016, bà Đặng Thị T đến nhà tôi (L) vay số tiền 450.000.000 đồng. Khi vay hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 20%/năm và hạn đến ngày 27/7/2016 bà T sẽ trả tiền gốc và tiền lãi. Đến hạn trả nợ, bà T không trả. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả cho tôi 450.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 28/7/2016 đến ngày xét xử 25/9/2017 là 47.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày trả hết nợ.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Đặng Thị T trình bày:

Ngày 27/6/2016, bà T đi cùng bà Nguyễn Thị H đến nhà bà L để ký nhận nợ thay bà H số tiền 450.000.000 đồng mà bà H đã vay của bà L trước đó. Khi tôi (T) ký giấy vay nợ thì không có thỏa thuận lãi và hạn đến ngày 27/7/2016 sẽ trả. Việc tôi (T) ký giấy nợ bà L thay cho bà H là do tôi còn nợ bà H một số tiền nên bà H bảo tôi đến nhà bà L ký nhận nợ thay cho bà H. Nay tôi đã trả hết nợ cho bà H vì vậy bà H phải trả cho bà L số tiền trên. Tôi không đồng ý trả số tiền trên cho bà L.

Quá trình tham gia tố tụng, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do bà H quen và đã vay tiền bà L nhiều lần nên bà T có nhờ bà H đến nhà bà L nói giúp để bà L cho bà T vay số tiền 450.000.000 đồng. Ngày 27/6/2016 bà H đi cùng bà T đến nhà bà L để nói bà L cho bà T vay tiền. Bà L đồng ý cho bà T vay số tiền 450.000.000 đồng nên thực hiện việc giao nhận tiền và viết giấy vay tiền tại nhà bà L. Việc bà T khai bà H nhờ bà T đến gặp bà L ký nhận nợ thay là không đúng sự thật.

Quá trình tham gia tố tụng, bà Hoàng Thị H1 trình bày:

Vào tháng 6/2016 bà H1 có đi cùng bà H đến nhà bà L để bà H vay của bà L số tiền 450.000.000 đồng. Bà H nói với bà L vay cho người khác đáo hạn ngân hàng nhưng sau đó bà H lấy tiền để trả nợ. Việc bà H trả nợ cho ai thì bà H1 không biết. Thời gian sau đó bà H1 nghe bà H nói lại là bà L đòi quá nên đưa bà T lên để ký nhận nợ thay, còn việc ký nhận nợ thay như thế nào bà H1 không chứng kiến và cũng không được biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 70, khoản 2 Điều 71, Điều 147, Điều 220, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471; Điều 474, Điều 476, khoản 1 Điều 478 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc bà Đặng Thị T phải trả cho bà Dương Thị Phương L số tiền 497.700.000 đồng (Bốn trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm ngàn đồng) bao gồm 450.000.000 đồng tiền gốc và 47.700.000 đồng tiền lãi tạm tính từ ngày 18/7/2016 đến ngày xét xử 25/9/2017 và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 05/10/2017, bị đơn bà Đặng Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung bản án sơ thẩm vì bà T không vay tiền của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Lời khai của bà L mâu thuẫn vì bà L nói bà T vay tiền của bà L để mua đất nhưng trên thực tế bà T đã mua đất từ trước đó, hơn nữa hai bên chỉ ký hợp đồng vay chứ chưa ký nhận tiền. Vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, không buộc bà T phải trả nợ cho bà L.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị T và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Đặng Thị T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương

sự, thì bà T và bà L đều thừa nhận hai bên có xác lập giấy vay nợ ngày 27/6/2016 tại nhà bà L với nội dung bà T có vay của bà L số tiền 450.000.000 đồng, hẹn đến ngày 27/7/2016 trả cả nợ gốc và lãi suất. Khi xác lập và ký kết giấy vay tiền có bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp chứng kiến. Vậy, việc bà L cho bà T vay số tiền 450.000.000 đồng là có thật, bà T thừa nhận có ký vào giấy vay tiền. Bà L, bà H đều khẳng định bà T đã nhận tiền trực tiếp số tiền 450.000.000 đồng từ bà L.

[2] Việc bà T cho rằng bà T chỉ đứng ra ký nhận nợ thay cho bà H chứ không được nhận tiền từ bà L. Tuy nhiên, bà T không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh ý kiến của mình và cũng không được bà L, bà H thừa nhận. Mặt khác, trong nội dung giấy vay tiền giữa bà T và bà L cũng không thể hiện là bà T nhận nợ thay cho bà H. Đến nay bà T vẫn chưa trả cho bà L được khoản tiền gốc và tiền lãi nào. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ pháp lý để chấp nhận kháng cáo của bà T mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn bà Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do bà Đặng Thị T thuộc hộ nghèo nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 70, khoản 2 Điều 71, Điều 147, Điều 220, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471; Điều 474, Điều 476, khoản 1 Điều 478 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc bà Đặng Thị T phải trả cho bà Dương Thị Phương L số tiền 497.700.000 đồng (Bốn trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm ngàn đồng) bao gồm 450.000.000 đồng tiền gốc và 47.700.000 đồng tiền lãi tạm tính từ ngày 18/7/2016 đến ngày 25/9/2017 và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất khi thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Bà Đặng Thị T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Dương Thị Phương L số tiền 12.417.000đ (Mười hai triệu bốn trăm mười bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Dương Thị Phương L đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004489 ngày 21/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;

- TAND huyện M'Đrăk;

- VKSND huyện M'Đrăk;

- Chi cục THADS huyện M;

- Dương sự;

- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức